

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 95/2024/DS-PT
Ngày: 31-01-2024
V/v tranh chấp: “Quyền sử dụng
đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22, 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 560/2023/TLPT-DS ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp “Quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 381/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1071/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Mỹ L, sinh năm 1963;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1959 (theo văn bản ủy quyền ngày 21/9/2022) (có mặt);

Địa chỉ: số A L, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông Diệp Thành T1, sinh năm 1971;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phạm Ngọc D, sinh năm 1972 (theo văn bản ủy quyền ngày 24/3/2023) (có mặt);

Địa chỉ: số B ấp H, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1933 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Anh Diệp Vũ T2, sinh năm 1985 (vắng mặt);

3. Chị Diệp Tiểu M, sinh năm 1986 (vắng mặt);

4. Chị Diệp Ngân G, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

5. Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang;

Địa chỉ: khu phố D, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Thanh B, chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt).

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1938 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ L trình bày:

Năm 1983 bà kết hôn với ông Diệp Tùng P con ruột của bà Nguyễn Thị N. Trong năm 1983 bà N có cho vợ chồng bà một cái trũng đất ngang 5m, dài 40m để vợ chồng bà cất nhà ra ở riêng. Bà và chồng bà cải tạo san lấp được một số người dân phụ giúp để đắp nền nhà. Vợ chồng bà cất nhà để ở tại thời điểm 1983, trong thời gian này vợ chồng bà có xin đăng ký đất đai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không được vì bà N đã xin đăng ký đất đai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997. Vợ chồng bà đã nhiều lần yêu cầu bà N tách thửa sang tên chủ quyền đất cho vợ chồng bà nhưng bà N hèn hoải. Có những hộ dân gần nhà bà đến phụ giúp lấp cái trũng mà vợ chồng bà N cho vợ chồng bà ra riêng để cất nhà sinh sống (có giấy xác nhận những hộ dân).

Năm 2002 bà N được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 1545, tờ bản đồ số 01, diện tích 950m² loại đất thổ + quả. Trong đó đất mà vợ chồng bà N đã cho vợ chồng bà từ năm 1983 nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N nêu trên.

Đến năm 2008 bà N xin đo đạc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 442, tờ bản đồ số 08, diện tích 836,8m², mục đích sử dụng đất cây lâu năm + đất ở nông thôn 300m², địa chỉ thửa đất ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Sau đó bà có đề nghị bà N tách cho vợ chồng bà thửa đất đã cho năm 1983 nhưng bà N hèn hoải. Trong khi đó bà N đã tách cho các con Diệp Ngọc T3, Trương Thị E (dâu), Diệp Ngọc D1. Năm 2012 bà N tách cho Diệp Thành T1, diện tích 314,7m² thuộc thửa đất 691, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

số CH00937 cấp ngày 18/01/2012 ông Diệp Thành T1 đứng tên. Tổng diện tích vợ chồng bà N cho vợ chồng bà năm 1983 là 233,4m² có bản đồ đo đạc: diện tích đất 135,1m², thửa 442, tờ bản đồ số 8, số vào sổ CS09616 cấp ngày 05/8/2022 bà Trương Thị Mỹ L đứng tên (trước đó do bà Nguyễn Thị N đứng tên), diện tích 98,3m² của vợ chồng bà nằm trong phần đất diện tích 314,7m² thửa 691 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 18/01/2012 ông Diệp Thành T1 đứng tên. Thửa này bà N tách từ thửa 442, tờ bản đồ số 8, diện tích 836,8m² bà Nguyễn Thị N đứng tên năm 2008.

Năm 2015 ông T1 ngang nhiên ngăn vách tole diện tích 98,2m² không cho bà sử dụng mặc dù bà đã sử dụng từ năm 1983 có cất nhà bếp, nhà vệ sinh, trồng cây ăn trái và rau. Ông T1 dỡ bỏ nhà bếp, nhà vệ sinh cùng một số cây ăn trái, rau của bà. Bà có khiếu nại đến chính quyền ấp, xã T nhưng ông T1 không đồng ý trả lại cho bà phần diện tích đất 98,3m², ông T1 cho rằng diện tích 98,3m² của bà đã nằm trong diện tích 314,7m² ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà đã nêu.

Án lệ số 03/2016AL về việc cha mẹ cho con quyền sử dụng đất, không có giấy tờ tặng cho được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Theo đó cha mẹ đã cho vợ chồng người con một diện tích đất, vợ chồng người con đã xây dựng nhà kiên cố trên diện tích đất đó để làm nơi ở, khi xây dựng nhà, cha mẹ và những người trong gia đình không có ý kiến phản đối. Vợ chồng người con đã xây dựng nhà đất liên tục, công khai, ổn định thì phải xác định vợ chồng người con đã được tặng cho quyền sử dụng đất. Từ năm 1983 đến năm 2020 vợ chồng Trương Thị Mỹ L đã quản lý sử dụng ngay tình, liên tục, công khai trên 30 năm, đã được xác lập quyền sử dụng đất theo thời hiệu, theo quy định tại Điều 236 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thông tư liên ngành số 04/TTLN ngày 03/5/1990 của Tòa án nhân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tổng cục QLND, tại phần 2 mục 1 điểm c, hướng giải quyết tranh chấp có tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất. Theo đó nhà ở, vật kiến trúc, cây lâu năm của ai thì phần đất gắn liền thuộc quyền sử dụng đất của người đó. Cụ thể trường hợp này, nhà ở và công trình phụ là của vợ chồng Diệp Tùng P và Trương Thị Mỹ L nên thửa 442 gắn liền, thuộc quyền sử dụng đất của vợ chồng Trương Thị Mỹ L. Ủy ban nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03169 ngày 20/7/2009 cho bà Nguyễn Thị N là vi phạm Luật Đất đai và quy định của Chính phủ. Cụ thể: việc giao đất cho người khác đối với đất đang có người sử dụng, chỉ thực hiện sau khi có quyết định thu hồi đất đó (Điều 32 Luật Đất đai 2003); trường hợp có nhà ở, công trình kiến trúc khác, cây lâu năm gắn liền với đất, thì nhà ở, công trình kiến trúc, cây lâu năm đó được ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hồ sơ địa chính (Điều 44 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ); thực tế khi cấp giấy chứng nhận cho bà Nguyễn Thị N, Ủy ban nhân dân huyện G chưa có quyết định thu hồi đất do vợ chồng Trương Thị Mỹ L đang quản lý sử

dụng và giấy chứng nhận không thể hiện có nhà và công trình phụ của vợ chồng bà L.

Nay bà yêu cầu công nhận một phần đất diện tích 98,3m² nằm phần đất diện tích 314,7m² thuộc thửa 691, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00937 cấp ngày 18/01/2012 ông Diệp Thành T1 đứng tên là thuộc quyền sử dụng đất của bà; hủy một phần đất diện tích 98,3m² nằm trong phần đất diện tích 314,7m² thuộc thửa 691, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00937 cấp ngày 18/01/2012 ông Diệp Thành T1 đứng tên.

Bị đơn ông Diệp Thành T1 trình bày:

Ông không đồng theo yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Mỹ L với lý do: thửa đất số 691, tờ bản đồ số 8, địa chỉ ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang ông được Ủy ban nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00937 ngày 18/01/2012 là hợp pháp. Ông sử dụng đất hợp pháp, ổn định, có ranh giới rõ ràng, ông không có lần chiếm quyền sử dụng đất của vợ chồng bà Trương Thị Mỹ L. Việc bà Trương Thị Mỹ L yêu cầu hủy một phần diện tích đất 98,3m² nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông đứng tên chủ sử dụng, ông cũng không đồng ý vì ông được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số nêu trên đúng trình tự thủ tục quy định. Với nội dung trên nay ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện G không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Mỹ L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà Trương Thị Mỹ L là dâu của bà, Diệp Thành T1 là con trai của bà. Trước đây bà có đứng tên quyền sử dụng đất hợp pháp, sau đó bà có làm thủ tục tách tặng cho hợp pháp thửa đất số 691, tờ bản đồ số 8, địa chỉ ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang cho con trai bà tên Diệp Thành T1, Diệp Thành T1 được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH00937 ngày 18/01/2012 là hợp pháp. Diệp Thành Trung sử dụng đất hợp pháp, ổn định có ranh giới rõ ràng theo bà thì Diệp Thành T1 không có lần chiếm quyền sử dụng đất của Trương Thị Mỹ L. Việc bà Trương Thị Mỹ L yêu cầu hủy một phần diện tích đất 98,3m² nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Diệp Thành T1 đứng tên chủ sử dụng thì Diệp Thành T1 được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số nêu trên đúng trình tự, thủ tục quy định. Tóm lại thửa đất số 691, tờ bản đồ số 8, diện tích 314,7m² bà tặng cho Diệp Thành T1 được Ủy ban nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00937 ngày 18/01/2012 là hợp pháp, đúng trình tự và thủ tục quy định. Các yêu cầu khởi kiện của Trương Thị Mỹ L thì Diệp Thành T1 có đồng ý hay không do Diệp Thành T1 quyết định, bà không có ý kiến gì khác hơn các ý kiến mà bà đã trình bày ở trên, đề nghị quý Tòa xem xét giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Do bà lớn tuổi nên việc đi lại khó khăn xin quý Tòa xem xét giải quyết vụ án vắng mặt bà suốt quá trình tố tụng cho đến khi kết thúc vụ án bằng một quyết định hoặc bản án có hiệu lực pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Diệp Ngân G, anh Diệp Vũ T2, chị Diệp Tiểu M cùng thống nhất trình bày:

Các anh chị là con của bà Trương Thị Mỹ L và ông Diệp Tùng P đã chết năm 2003, phần đất đang tranh chấp giữa mẹ các anh chị và ông Diệp Thành T1 là của ông bà nội cho cha mẹ anh chị ra riêng năm 1983. Cha mẹ các anh chị đã cất nhà sinh sống từ năm 1983 khi các anh chị sinh ra sống trong ngôi nhà của cha mẹ liên tục cho đến nay. Nay các anh chị thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Mỹ L. Đối với phần di sản thừa kế của cha các anh chị là thửa đất đang tranh chấp, cha Diệp Tùng P chết năm 2003 không để lại di chúc. Các anh chị chưa có yêu cầu chia thừa kế trong vụ án này và đồng ý để mẹ các anh chị là bà Trương Thị Mỹ L được kê khai đăng ký toàn bộ diện tích đất khi được Tòa án huyện G công nhận quyền sử dụng đất trong đó có luôn cả kỹ phần thừa kế được hưởng của các anh chị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang, có đại diện là ông Huỳnh Thanh B có đơn xin vắng mặt tại Tòa án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 381/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ các điều 174, 175, 228, 233 và Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 166, 236, 500, 502 và Điều 503 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 2 Luật Người cao tuổi; điểm d Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Trương Thị Mỹ L về việc yêu cầu công nhận một phần đất diện tích 98,3m² nằm phần đất diện tích 314,7m² thuộc thửa 691, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00937 cấp ngày 18/01/2012 do ông Diệp Thành T1 đứng tên là thuộc quyền sử dụng đất của bà Trương Thị Mỹ L và yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00937 cấp ngày 18/01/2012 do ông Diệp Thành T1 đứng tên đối với phần đất diện tích 98,3m² nằm trong phần đất diện tích 314,7m² thuộc thửa 691, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 10/10/2023, nguyên đơn bà Trương Mỹ L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết: hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 98,3m² thuộc thửa 691 cấp cho ông Diệp Thành T1; công nhận diện tích 98,3m² là của bà vì bà đã sử dụng ổn định trên 30 năm

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: phần diện tích đất tranh chấp 98,3m² nằm trong phần đất diện tích 314,7m² do Ủy ban nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00937 ngày 18/01/2012 cho ông Diệp Thành T1. Bà L cho rằng bà được bà N cho vào năm 1983 nhưng không được bà N thừa nhận và bà L không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện bà được cho phần đất trên từ năm 1983, bà L không đăng ký kê khai, không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà L cho rằng bà quản lý cát nhà trồng cây, nhưng thực tế theo biên bản xem xét thẩm định thì trên đất chỉ có 03 cây dừa do bà N trồng và 09 trụ xi măng do ông T1 xây dựng. Bà L kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Quyền sử dụng đất” là đúng quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 203 Luật Đất đai. Phần đất tranh chấp tọa lạc tại ấp T, huyện G căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N, chị Diệp Ngân G, anh Diệp Vũ T2, chị Diệp Tiểu M, đại diện Ủy ban nhân dân huyện G là ông Huỳnh Thanh B có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bà N, chị G, anh T2, chị M, ông B.

[3] Đơn kháng cáo của bà Trương Thị Mỹ L đúng quy định tại Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Ngày 10/10/2023, nguyên đơn bà Trương Mỹ L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết: hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 98,3m² thuộc thửa 691 cấp cho ông Diệp Thành T1; công nhận diện tích 98,3m² là của bà vì bà đã sử dụng ổn định trên 30 năm.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của bà L: phần đất tranh chấp diện tích 98,3m², thuộc thửa đất số 691, tờ bản đồ số 8, địa chỉ ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang, được Ủy ban nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

số CH00937 ngày 18/01/2012 cho ông Diệp Thành T1, có nguồn gốc thuộc thửa 1545, tờ bản đồ số 1, tổng diện tích 950m², được cấp quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị N ngày 03/12/2002.

Bà L cho rằng bà được tặng cho phần đất này vào năm 1983 và sử dụng liên tục ổn định đến nay nhưng không được bà N thừa nhận. Từ sau năm 1983 đến khi xảy ra tranh chấp thì phía bà L, ông P cũng không có kê khai trong sổ mục kê địa chính, bà L cho rằng vào năm 1990 gia đình bà có xin đăng ký kê khai phần đất này, nhưng bà N đã đăng ký vào năm 1986 nên bà L không đăng ký được. Tại phiên tòa bà L cung cấp nhân chứng là ông Nguyễn Văn L1 biết được sự việc bà N tặng cho đất vợ chồng bà L, ông P, nhưng phía ông L1 xác định ông biết việc bà N tặng cho đất vợ chồng bà L, ông P là nghe ông P, bà L nói cho ông nghe chứ ông không có chứng kiến việc bà N tặng cho đất bà L, ông P. Phía ông P, bà L có thuê ông làm nhà cho ông P, bà L là căn nhà mà bà L đang ở. Cho thấy ông L1 chỉ biết việc bà N tặng cho vợ chồng ông P, bà L phần đất mà bà L đang ở. Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/6/2023, trên đất tranh chấp có 03 cây dừa loại A. Bà L cho rằng 03 cây dừa do mình trồng nhưng không có chứng cứ chứng minh. Lời khai của người làm chứng do bà L yêu cầu tại các bút lục 11-16 đều trình bày phần đất tranh chấp do bà L sử dụng từ năm 1983 đến nay, có cất nhà bếp, san lấp nền và trồng dừa nhưng đều không có chứng cứ cụ thể. Trên thực tế gia đình bà L cũng không quản lý, sử dụng phần đất này, mà bà L có quản lý sử dụng phần đất diện tích 136,6m² cũng là phần đất mà bà N tặng cho vợ chồng bà L, ông P đã được Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang công nhận tại Bản án số 35/2022/DSPT ngày 23/2/2022. Bà L cho rằng từ năm 1983 đến năm 2020 vợ chồng bà đã quản lý sử dụng ngay tình, liên tục, công khai trên 30 năm phần đất này là bà có trồng cây ăn trái, hoa màu, có cất căn bếp và nhà vệ sinh, nhưng bà L cũng không có chứng cứ gì chứng minh. Trong khi qua thẩm định thực tế thì trên phần đất này không có cây ăn trái, hoa màu, hay căn bếp và nhà vệ sinh của bà L như bà L trình bày, mà chỉ có 03 cây dừa của bà N trồng và 9 trụ xi măng mà ông T1 sử dụng để cất chuồng trại nuôi gà. Cho thấy phần đất này ông Diệp Thành T1 là người quản lý, sử dụng và ông Diệp Thành T1 là người được đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00937 ngày 18/01/2012 trên cơ sở Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 06/12/2011 giữa bà Nguyễn Thị N với ông Diệp Thành T1, từ năm 2012 khi ông T1 được công nhận quyền sử dụng đất thì bà L hoàn toàn không có ý kiến tranh chấp gì đối với việc ông T1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra khi bà L đã đi đăng ký kê khai phần đất diện tích 135,1m², thuộc thửa đất số 442, tờ bản đồ số 8, địa chỉ ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang cũng có nguồn gốc do bà N tặng cho nhưng hoàn toàn không đăng ký kê khai phần đất tranh chấp về hướng Bắc thửa đất, dù bà cho rằng hai phần đất này đều được tặng cho cùng thời điểm. Do đó, không có cơ sở xác định bà L được bà N tặng cho phần đất tranh chấp diện tích 98,3m².

Từ đó cho thấy phần đất diện tích 98,3m² nằm trong phần đất diện tích 314,7m² thuộc thửa 691, tờ bản đồ số 8, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00937 cấp ngày 18/01/2012 do ông Diệp Thành T1 đứng tên là bà Nguyễn

Thị N tặng cho ông Diệp Thành T1 mà không phải tặng cho vợ chồng bà Trương Thị Mỹ L và ông Diệp Tùng P, nên bà L yêu cầu công nhận phần đất này là của bà L là không có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của bà L cho rằng tại biên bản họp gia đình ngày 20/02/2017 có thể hiện ý kiến của ông T1 là miếng đất hiện giờ bà L và cháu T2 đang ở đã sang tên qua cho ông đứng chủ quyền, nếu sau này cháu D2 Vũ Thái lo làm ăn đang hoàng thì ông sẽ tính sau. Tuy nhiên biên bản trên không có chữ ký của ông T1 và ông T1 cũng không thừa nhận việc này, biên bản cũng không thể hiện rõ là phần nhà là ở vị trí diện tích đất nào vì phần đất tranh chấp không có nhà, còn căn nhà thể hiện phần diện tích 135,1m² đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật và bà L đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Những người có tên trong biên bản ngày 20/02/2017 ông Phan Văn Đ, Phan Văn T4 trình bày có tham dự và có ký tên chứ không có ý kiến là có việc ông T1 có ý kiến như tại biên bản ngày 20/02/2017.

Từ phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà L.

[6] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị nên phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: bà L không phải chịu án phí phúc thẩm do là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ L.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 381/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Căn cứ các điều 174, 175, 228, 233 và Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 166, 236, 500, 502 và Điều 503 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Trương Thị Mỹ L về việc yêu cầu công nhận một phần đất diện tích 98,3m² nằm phần đất diện tích 314,7m² thuộc thửa 691, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00937 cấp ngày 18/01/2012 do ông Diệp Thành T1 đứng tên là thuộc quyền sử dụng đất của bà Trương Thị Mỹ L và yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00937 cấp ngày 18/01/2012 do ông Diệp Thành T1 đứng tên đối với phần đất diện tích 98,3m² nằm trong phần đất diện tích 314,7m² thuộc thửa 691, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Về án phí: bà Trương Thị Mỹ L được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Tuyền